

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh diện tích, giá khởi điểm
để tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với
các thửa đất còn lại tại Khu trung tâm xã Ea Ô, huyện Ea Kar**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất; Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của UBND tỉnh ban hành quy chế bán đấu giá tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh về ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất;

Căn cứ Quyết định số 3927/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chức năng, nhiệm vụ xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, giá khởi điểm để tổ chức đấu giá cho thuê đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 113/TTr-STC ngày 23/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh diện tích, giá khởi điểm để tiếp tục tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất còn lại tại Khu trung tâm xã Ea Ô, huyện Ea Kar (chi tiết như phụ lục kèm theo).

Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật. Khi giá đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tăng, giảm trên 20%, UBND huyện Ea Kar có trách nhiệm lập phương án gửi cơ quan có chức năng xác định giá khởi điểm xem xét, đề xuất UBND tỉnh quyết định.

Điều 2. Giao UBND huyện Ea Kar lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các thửa đất còn lại tại Khu trung tâm xã Ea Ô, huyện Ea Kar theo đúng quy định của pháp luật đấu giá tài sản và văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Thay thế Số thứ tự số 10 đến số 19 và thửa đất số 20 thuộc số thứ tự 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với 50 thửa đất tại Khu trung tâm xã Ea Ô, huyện Ea Kar bằng Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea Kar; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- TT TTCB;
- Lưu: VT, KT(Q-11b).



Phạm Ngọc Nghị

PHỤ LỤC:
DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH ĐỂ TIẾP TỤC
TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI 10 THỬA ĐẤT
TẠI KHU TRUNG TÂM XÃ EA Ô, HUYỆN EA KAR

(Ban hành kèm theo Quyết định số **920** /QĐ-UBND ngày **04** /**5**/2018 của UBND tỉnh)

STT	Đã phê duyệt tại QĐ 3479/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh				UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh				
	Kí hiệu thửa đất	Diện tích (m²)	Giá đất ở (đồng/m²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)	Kí hiệu thửa đất	Diện tích (m²)	Hệ số góc	Giá đất ở (đồng/m²)	Giá khởi điểm (đồng/thửa)
1	20	132,00	2.800.000	370.000.000	20	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
2	29	143,00	3.080.000	440.000.000	29	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
3	30	157,00	1.650.000	259.000.000	30	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
4	31	112,00	1.000.000	112.000.000	31	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
5	32	114,00	1.000.000	114.000.000	32	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
6	33	115,00	1.000.000	115.000.000	33	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
7	34	116,00	1.000.000	116.000.000	34	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
8	35	117,00	1.000.000	117.000.000	35	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
9	36	118,00	1.000.000	118.000.000	36	100,00	1,00	4.200.000	420.000.000
10	37	120,00	1.000.000	120.000.000	37	140,00	1,00	4.200.000	588.000.000
11	38	121,00	1.000.000	121.000.000					
Tổng cộng				2.002.000.000	Tổng cộng				4.368.000.000